

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 2)
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán đầu tư và huy động vốn			
Mã học phần:	71ACCT30112	Số tín chỉ:	2	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT30112_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có (Tài liệu Giấy)		☐ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.	Trắc nghiệm	50%	10 câu trắc nghiệm	5	ELO 1.1
CLO2	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên	Tự luận	10%	Tự luận - Yêu cầu số	1	ELO 1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
	quan đến kế toán kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.			2		
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu một cách chính xác.	Tự luận	40%	Tự luận – Yêu cầu 1	4	ELO 8.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM): (10 câu x 0,5 điểm/câu)

Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 01-C1-a: Ngày 01/01/N, công ty RS quyết định lấy lại toà nhà A đang cho công ty J thuê hoạt động làm văn phòng đại diện của công ty. Biết rằng toà nhà này có nguyên giá là 5.000.000.000đ (trong đó quyền sử dụng đất là 2.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 20 năm, đã đưa vào hoạt động được 6 năm. Kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/01/N như thế nào:

A. Nợ TK 211 3.000.000.000	B. Nợ TK 211 5.000.000.000
Nợ TK 213 2.000.000.000	Có TK 217 5.000.000.000
Có TK 217 5.000.000.000	
Và	Và
Nợ TK 2147 900.000.000	Nợ TK 2147 900.000.000
Có TK 2141 900.000.000	Có TK 2141 900.000.000

C. Nợ TK 217	5.000.000.000	D. Nợ TK 217	5.000.000.000
Có TK 211	3.000.000.000	Có TK 211	2.000.000.000
Có TK 213	2.000.000.000	Có TK 213	3.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	1.500.000.000	Nợ TK 2141	1.500.000.000
Có TK 2147	1.500.000.000	Có TK 2147	1.500.000.000

ANSWER: A

Câu 01-C1-b: Ngày 01/01/N, công ty RS quyết định lấy lại toà nhà A đang cho công ty J thuê hoạt động làm văn phòng đại diện của công ty. Biết rằng toà nhà này có nguyên giá là 5.000.000.000đ (trong đó quyền sử dụng đất là 2.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 20 năm, đã đưa vào hoạt động được 4 năm. Kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/01/N như thế nào:

A. Nợ TK 211	3.000.000.000	B. Nợ TK 211	5.000.000.000
Nợ TK 213	2.000.000.000	Có TK 217	5.000.000.000
Có TK 217	5.000.000.000	Và	
Và		Nợ TK 2147	600.000.000
Nợ TK 2147	600.000.000	Có TK 2141	600.000.000
Có TK 2141	600.000.000		
C. Nợ TK 217	5.000.000.000	D. Nợ TK 217	5.000.000.000
Có TK 211	3.000.000.000	Có TK 211	2.000.000.000
Có TK 213	2.000.000.000	Có TK 213	3.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	1.000.000.000	Nợ TK 2141	1.000.000.000
Có TK 2147	1.000.000.000	Có TK 2147	1.000.000.000

ANSWER: A

Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 02-C1-a: Ngày 01/4/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho (theo hình thức thuê hoạt động) 3 tháng 4,5,6/N bằng chuyển khoản cho công ty RS, giá thuê chưa thuế GTGT là 5.000.000 đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty RS là Quý. Kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/4/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 5113 15.000.000 Có TK 33311 1.500.000	B. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 3387 16.500.000
C. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 5113 16.500.000	D. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 3387 15.000.000 Có TK 33311 1.500.000

ANSWER: A

Câu 02-C1-b: Ngày 01/4/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho (theo hình thức thuê hoạt động) 3 tháng 4,5,6/N bằng chuyển khoản cho công ty RS, giá thuê chưa thuế GTGT là 5.000.000 đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty RS là tháng. Kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/4/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 3387 15.000.000 Có TK 33311 1.500.000	B. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 3387 16.500.000
C. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 5113 16.500.000	D. Nợ TK 1121 16.500.000 Có TK 5113 15.000.000 Có TK 33311 1.500.000

ANSWER: A

Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 03-C2-a: Ngày 15/1/N, công ty RS thuê tài chính 1 dây chuyền máy móc sử dụng tại phân xưởng may. Giá trị hợp lý (GTHL) của tài sản thuê là 260.000.000đ; PV là 259.000.000đ. Công ty đã nhận tài sản và đưa vào sử dụng ngay trong ngày. Phát biểu nào sau đây là **ĐÚNG**:

A. Ngày 15/1/N khi nhận tài sản, kế toán ghi tăng tài sản và tăng nợ gốc thuê theo PV

B. Ngày 15/1/N khi nhận tài sản, kế toán ghi tăng tài sản và tăng nợ gốc thuê theo PV hoặc GTHL

C. Đối với tài sản thuê tài chính cuối kỳ kế toán không cần trích khấu hao

D. Ngày 15/1/N khi nhận tài sản, kế toán ghi tăng chi phí sản xuất chung của phân xưởng may

ANSWER: A

Câu 03-C2-b: Ngày 15/1/N, công ty RS thuê tài chính 1 dây chuyền máy móc sử dụng tại phân xưởng may. Giá trị hợp lý (GTHL) của tài sản thuê là 260.000.000đ; PV là 259.000.000đ. Công ty đã nhận tài sản và đưa vào sử dụng ngay trong ngày. Phát biểu nào sau đây là **SAI**:

A. Ngày 15/1/N khi nhận tài sản, kế toán ghi tăng tài sản và tăng nợ gốc thuê theo PV hoặc GTHL

B. Cuối kỳ kế toán trích khấu hao ghi tăng chi phí sản xuất chung

C. Công ty RS phải thanh toán lãi và nợ gốc vào mỗi kỳ theo quy định hợp đồng thuê

D. Định kỳ khi thanh toán lãi kế toán ghi tăng chi phí tài chính

ANSWER: A

Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 04-C2-a: Ngày 15/03/N, công ty RS nhận một thiết bị A tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 5 năm, tiền thuê trả định kỳ vào đầu mỗi năm là 55.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 6%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 246.000.000 đ. Công ty RS tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty RS trả ngay bằng chuyển khoản là 25.000.000đ. Ngày 15/03/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212 245.580.809 Có TK 3412 245.580.809 Và Nợ TK 1332 25.000.000 Có TK 1121 25.000.000	B. Nợ TK 212 246.000.000 Có TK 3412 246.000.000 Và Nợ TK 1332 25.000.000 Có TK 1121 25.000.000
C. Nợ TK 212 246.000.000	D. Nợ TK 212 245.580.809

Có TK 3412	246.000.000	Có TK 3412	245.580.809
Và		Và	
Nợ TK 212	25.000.000	Nợ TK 212	25.000.000
Có TK 1121	25.000.000	Có TK 1121	25.000.000

ANSWER: A

Câu 04-C2-b: Ngày 15/03/N, công ty RS nhận một thiết bị A tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 5 năm, tiền thuê trả định kỳ vào đầu mỗi năm là 45.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 6%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 246.000.000 đ. Công ty RS tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty RS trả ngay bằng chuyển khoản là 21.000.000đ. Ngày 15/03/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212	200.929.753	B. Nợ TK 212	246.000.000
Có TK 3412	200.929.753	Có TK 3412	246.000.000
Và		Và	
Nợ TK 1332	21.000.000	Nợ TK 1332	21.000.000
Có TK 1121	21.000.000	Có TK 1121	21.000.000

C. Nợ TK 212	246.000.000	D. Nợ TK 212	200.929.753
Có TK 3412	246.000.000	Có TK 3412	200.929.753
Và		Và	
Nợ TK 212	21.000.000	Nợ TK 212	21.000.000
Có TK 1121	21.000.000	Có TK 1121	21.000.000

ANSWER: A

Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 05-C3-a: Ngày 1/7/N, công ty RS chuyển khoản mua 1.500 tờ kỳ phiếu của ngân hàng Y phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn. Giá mua là 120.000đ/tờ, mệnh giá 100.000đ/tờ, lãi suất 10%/năm, lãi nhận sau 1 năm 1 lần. Thời hạn của kỳ phiếu là 12 tháng kể từ ngày phát hành 1/7/N. Kỳ kế toán công ty là quý. Ngày 1/7/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1281 180.000.000	B. Nợ TK 1211 180.000.000
Có TK 1121 180.000.000	Có TK 1121 180.000.000
C. Nợ TK 1212 150.000.000	D. Nợ TK 1281 150.000.000
Có TK 1121 150.000.000	Có TK 1121 150.000.000

ANSWER: A

Câu 05-C3-b: Ngày 1/7/N, công ty RS chuyển khoản mua 1.500 tờ kỳ phiếu của ngân hàng Y phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn. Giá mua là 130.000đ/tờ, mệnh giá 100.000đ/tờ, lãi suất 10%/năm, lãi nhận sau 1 năm 1 lần. Thời hạn của kỳ phiếu là 12 tháng kể từ ngày phát hành 1/7/N. Kỳ kế toán công ty là quý. Ngày 1/7/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1281 195.000.000	B. Nợ TK 1211 195.000.000
Có TK 1121 195.000.000	Có TK 1121 195.000.000
C. Nợ TK 1212 150.000.000	D. Nợ TK 1281 150.000.000
Có TK 1121 150.000.000	Có TK 1121 150.000.000

ANSWER: A

Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 06-C3-a: Công ty SK mua 300.000 cổ phiếu công ty Q với giá mua 33.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 2% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty SK trong công ty Q là 75% và công ty có quyền kiểm soát đối với công ty Q. Kế toán công ty SK ghi nhận giá trị khoản đầu tư này vào công ty Q là bao nhiêu:

- A. 10.098.000.000đ
- B. 9.900.000.000đ
- C. 3.000.000.000đ
- D. 3.060.000.000đ

ANSWER: A

Câu 06-C3-b: Công ty SK mua 300.000 cổ phiếu công ty Q với giá mua 23.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 2% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty SK trong công

ty Q là 75% và công ty có quyền kiểm soát đối với công ty Q. Kế toán công ty SK ghi nhận giá trị khoản đầu tư này vào công ty Q là bao nhiêu:

A. 7.038.000.000đ

B. 6.900.000.000đ

C. 3.000.000.000đ

D. 3.060.000.000đ

ANSWER: A

Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 07-C4-a: Ngày 01/01/N, công ty B phát hành 2.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.100.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 6%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 3.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/01/N, kế toán công ty B ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121 2.200.000.000 Có TK 34311 2.000.000.000 Có TK 34313 200.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	B. Nợ TK 1121 2.200.000.000 Có TK 34312 2.000.000.000 Có TK 34311 200.000.000 Và: Nợ TK 627 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000
C. Nợ TK 1121 2.200.000.000 Có TK 34313 2.200.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	D. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 34313 2.000.000.000 Và: Nợ TK 2412 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000

ANSWER: A

Câu 07-C4-b: Ngày 01/01/N, công ty B phát hành 2.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.400.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 6%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 3.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/01/N, kế toán công ty B ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121 2.800.000.000 Có TK 34311 2.000.000.000 Có TK 34313 800.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	B. Nợ TK 1121 2.800.000.000 Có TK 34312 2.000.000.000 Có TK 34311 800.000.000 Và: Nợ TK 627 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000
C. Nợ TK 1121 2.800.000.000 Có TK 34313 2.800.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	D. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 34313 2.000.000.000 Và: Nợ TK 2412 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000

ANSWER: A

Câu 08: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 08-C4-a: Ngày 01/01/N, công ty B phát hành 2.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.400.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 6%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí đi vay không đủ điều kiện để vốn hóa, phụ trội trái phiếu phân bổ theo đường thẳng. Phần phụ trội trái phiếu sau khi phản ánh vào tài khoản phụ trội, cuối kỳ kế toán sẽ xử lý như sau:

- A. Phân bổ để ghi giảm chi phí tài chính
- B. Phân bổ để ghi tăng chi phí sản xuất chung
- C. Phân bổ để ghi tăng chi phí tài chính
- D. Phân bổ để ghi giảm chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

Câu 08-C4-b: Ngày 01/01/N, công ty B phát hành 2.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 900.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 6%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí đi vay không đủ điều kiện để vốn hóa, chiết khấu trái phiếu phân bổ theo đường thẳng. Phần chiết khấu trái phiếu sau khi phản ánh vào tài khoản chiết khấu, cuối kỳ kế toán sẽ xử lý như sau:

- A. Phân bổ để ghi tăng chi phí tài chính
- B. Phân bổ để ghi tăng chi phí sản xuất chung
- C. Phân bổ để ghi giảm chi phí tài chính

D. Phân bổ để ghi giảm chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

Câu 09: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 09-C5-a: Ngày 1/7/N, công ty mua lại 1.000 cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ. Giá khớp lệnh là 25.000 đ/cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu lúc phát hành là 10.000 đ/cổ phiếu. Chi phí mua lại là 1% trên giá khớp lệnh. Kế toán ghi nhận giá trị cổ phiếu quỹ tăng lên là bao nhiêu?

A. 25.250.000 đ

B. 25.000.000 đ

C. 10.000.000 đ

D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 09-C5-b:

Câu 09: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 09-C5-a: Ngày 1/7/N, công ty mua lại 1.000 cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ. Giá khớp lệnh là 30.000 đ/cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu lúc phát hành là 10.000 đ/cổ phiếu. Chi phí mua lại là 1% trên giá khớp lệnh. Kế toán ghi nhận giá trị cổ phiếu quỹ tăng lên là bao nhiêu?

A. 30.300.000 đ

B. 30.000.000 đ

C. 10.000.000 đ

D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 10-C5-a: Ngày 1/4/N, công ty B phát hành 5.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 100.000 đ/cổ phiếu, giá phát hành là 130.000 đ/cổ phiếu, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Ngày 1/4/N, kế toán công ty B ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1121 650.000.000	B. Nợ TK 1121 500.000.000
Có TK 4111 500.000.000	Nợ TK 4112 150.000.000

Có TK 4112	150.000.000	Có TK 4111	650.000.000
C. Nợ TK 1121	650.000.000	D. Nợ TK 1121	500.000.000
Có TK 4111	650.000.000	Có TK 4111	500.000.000

ANSWER: A

Câu 10-C5-b:

Ngày 1/4/N, công ty B phát hành 5.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 100.000 đ/cổ phiếu, giá phát hành là 140.000 đ/cổ phiếu, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Ngày 1/4/N, kế toán công ty B ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1121	700.000.000	B. Nợ TK 1121	500.000.000
Có TK 4111	500.000.000	Nợ TK 4112	200.000.000
Có TK 4112	200.000.000	Có TK 4111	700.000.000
C. Nợ TK 1121	700.000.000	D. Nợ TK 1121	500.000.000
Có TK 4111	700.000.000	Có TK 4111	500.000.000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Công ty cổ phần AHK có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng.

Số dư ngày 01/01/N của một số tài khoản như sau:

- TK 1121_K: 990.000.000đ (33.000 cp công ty K)
- TK 4111: 6.000.000.000đ (600.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 200.000.000đ
- TK 419: 150.000.000đ (10.000 cổ phiếu)
- TK 4211: 300.000.000đ (Dư Có)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quý 1/N như sau:

1.b.1. Ngày 01/01, công ty thuê hoạt động 1 máy photo của công ty Z để sử dụng tại phòng kế toán với giá thuê chưa thuế GTGT là 6.000.000đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Tiền thuê được trả trước 3 tháng 1 lần vào đầu mỗi quý. Cùng ngày công ty đã tiến hành chuyển khoản thanh toán tiền thuê Quý 1/N và 20.000.000đ tiền ký cược sau khi nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán từ công ty Z. **(0,75 điểm)**

1.b.2. Ngày 31/01, công ty bán bớt 2/3 cổ phiếu công ty K với giá bán 55.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,75 điểm)**

1.b.3. Ngày 01/02, công ty mua 1 tòa nhà để cho thuê hoạt động với giá mua chưa thuế GTGT là 3.500.000.000đ, trong đó quyền sử dụng đất 1.800.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày chuyển giao quyền sở hữu. Chi phí môi giới 100.000.000đ, đã thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,75 điểm)**

1.b.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 1.500 trái phiếu để vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.600.000đ/trái phiếu, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5%/năm, trả lãi ngay khi phát hành. Chi phí phát hành trái phiếu không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí phát

hành là 6.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ lãi và phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(0,75 điểm)**

1.b.5. Ngày 15/03, công ty phát hành thêm 12.000 cổ phiếu phổ thông để chia cổ tức năm N-1 với mệnh giá không đổi, giá phát hành 18.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

1.b.6. Ngày 31/03, thực hiện các bút toán điều chỉnh đối với nghiệp vụ 1.b.4 **(0,5 điểm)**

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty AHK trong quý 1/N. **(4,0 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy xác định a, b, c, d trên bảng Cân đối kế toán vào ngày 31/03/N. **(0,25 x 4 = 1,0 điểm)**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Trích)

Ngày 31/03/N

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		
II. Nợ dài hạn	330		
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		a = ?
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		
I. Vốn chủ sở hữu	410		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		b = ?
- Cổ phiếu quỹ	415		c = ?
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		d = ?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM (5,0 ĐIỂM)

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
II. Tự luận		5,0	
1.b.1 •	Ngày 01/01, công ty thuê hoạt động 1 máy photo của công ty Z để sử dụng tại phòng kế toán với giá thuê chưa thuế GTGT là 6.000.000đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Tiền thuê được trả trước 3 tháng 1 lần vào đầu mỗi quý. Cùng ngày công ty đã tiến hành chuyển khoản thanh toán tiền thuê Quý 1/N và 20.000.000đ tiền ký cược sau khi nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán từ công ty Z. (0,75 điểm) + Thanh toán tiền thuê quý 1/N: (0,5 điểm) Nợ TK 642 18.000.000 (6.000.000 x 3) Nợ TK 1331 1.800.000 Có TK 1121 19.800.000 + Tiền ký cược (0,25 điểm) Nợ TK 244 20.000.000 Có TK 1121 20.000.000	0,75	
1.b.2 •	Ngày 31/01, công ty bán bớt 2/3 cổ phiếu công ty K với giá bán 55.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. (0,75 điểm) - Bán cổ phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng: (0,5 điểm) Nợ TK 1121 1.210.000.000 (55.000 x 22.000 cp) Có TK 1211_K 660.000.000 (30.000 x 22.000 cp) Có TK 515 550.000.000 (1.210.000.000 - 660.000.000) - Chi phí môi giới: (0,25 điểm) Nợ TK 635 36.300.000 Có TK 1121 36.300.000 (3% x 1.210.000.000)	0,75	
1.b.3 •	Ngày 01/02, công ty mua 1 tòa nhà để cho thuê hoạt động với giá mua chưa thuế GTGT là 3.500.000.000đ, trong đó quyền sử dụng đất 1.800.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày chuyển giao quyền sở hữu. Chi phí môi giới 100.000.000đ, đã thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng. (0,75 điểm)	0,75	

	+ Ghi tăng BĐS đầu tư (0,5 điểm) Nợ TK 217 3.500.000.000 Nợ TK 1332 170.000.000 [(3.500.000.000 - 1.800.000.000) x 10%] Có TK 331 3.670.000.000 + Chi phí môi giới (0,25 điểm) Nợ TK 217 100.000.000 Có TK 1121 100.000.000		
1.b.4	Ngày 01/03, công ty phát hành 1.500 trái phiếu để vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.600.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5%/năm, trả lãi ngay khi phát hành. Chi phí phát hành trái phiếu không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí phát hành là 6.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ lãi và phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Giá phát hành > Mệnh giá => Phát hành trái phiếu có phụ trội. - Phát hành trái phiếu thu bằng TGNH: (0,5 điểm) Nợ TK 1121 2.025.000.000 [(1.600.000 x 1.500 tờ) - 375.000.000] Nợ TK 242 375.000.000 (1.000.000 x 1.500 tờ x 5%/năm x 5 năm) Có TK 34311 1.500.000.000 (1.000.000 x 1.500 tờ) Có TK 34313 900.000.000 (2.400.000.000 - 1.500.000.000) - Chi phí phát hành trái phiếu: (0,25 điểm) Nợ TK 635 6.000.000 Có TK 1111 6.000.000	0,75	
1.b.5	Ngày 15/03, công ty phát hành thêm 12.000 cổ phiếu phổ thông để chia cổ tức năm N-1 với mệnh giá không đổi, giá phát hành 18.000đ/cp + Phát hành cổ phiếu chia cổ tức (0,5 điểm) Nợ TK 4211 216.000.000 (12.000cp x 18.000đ/cp) Có TK 4112 96.000.000 (216.000.000 - 180.000.000) Có TK 41111 120.000.000 (12.000cp x 10.000đ/cp)	0,5	
1.b.6	Ngày 31/03, thực hiện các bút toán điều chỉnh đối với nghiệp vụ 1.b.4 - Phân bổ lãi vay: (0,25 điểm)	0,5	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Giảng viên ra đề



ThS. Phạm Thị Mộng Tuyền